

Bản án số: 34/2022/HSST

Ngày: 02/3/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh*
- *Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn và ông Đoàn Văn Minh*
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Bích Thủy*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 02/3/2022, tại trụ sở TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/HSST ngày 04/01/2022, đối với bị cáo:

Bùi Văn Đ (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1993; Giới tính: Nam;

Nơi ĐKNKTT: Thôn Vĩnh Lạc 2, xã Tiên Phong, huyện V, thành phố H.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông Bùi Văn M và bà Lê Thị T

Bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh T, sinh năm 1998; Có 01 con, sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 19/7/2021, hiện tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; Số giam 3756A2/4 - Có mặt

Người bị hại: Anh Tiêu Thanh L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Phòng 702c Chung cư CT4 Trung Văn, quận N, thành phố H – Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 10, ngõ 293, đường Nguyễn Tĩnh, phường Đông Hương, TP H, tỉnh T – Có mặt.

2. Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1998

Nơi ĐKNKTT: Thôn Vĩnh Lạc 2, xã Tiên Phong, huyện V, thành phố P – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị VKSND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do có quen biết nhau nên khoảng tháng 4 năm 2021, Tiêu Thanh L đã cho Đ và vợ con của Đ đến ở nhờ nhà của anh L, đồng thời anh Liêm thuê Đ làm lái xe riêng cho anh L. Anh L giao cho Đ chìa khóa, giấy tờ xe và quản lý chiếc xe Daewo Laceti BKS 30E-949.87.

Đến ngày 18/5/2021, anh L phát hiện không thấy chiếc xe của mình đâu nên hỏi Đ thì Đ thừa nhận đã mang chiếc xe của anh L đi cầm cố lấy tiền. Anh L yêu cầu Đ mang xe về ngay trả cho anh L thì Đ nói đã cầm cố lấy 150.000.000đ và hứa trả dần tiền cho anh L. Ngày 19/5/2021 vợ chồng Đ bỏ nhà anh L đi đâu không biết. Anh L gọi điện liên lạc với Đ thì Đ nói hứa trả dần tiền cho anh L và đã chuyển cho anh L 03 lần tiền vào các ngày 20, 21, 22/5/2021, tổng số tiền chuyển là 23.000.000đ.

Mở rộng điều tra đã xác định: Sau khi bị anh L phát hiện đòi xe thì Đ đã đăng tin bán chiếc xe, đến ngày 23/5/2021 Đ đã bán chiếc xe cho anh T quê Thanh Hóa được 202.000.000đ, số tiền này Đ trả cho anh A (người cầm cố chiếc xe 154.000.000đ) để lấy xe ra chuyển cho anh T, chuyển cho anh L 23.000.000đ tiền khắc phục trong những ngày không đưa anh L đi làm được (Đ khai). Quá trình điều tra, chiếc xe đã thu hồi trả cho anh L. Vợ bị cáo đã trả cho anh T 100.000.000đ, số còn lại anh T đang yêu cầu bị cáo trả lại.

Ngày 19/7/2021, Bùi Văn Đ đến Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ của anh Vũ Văn T: 01 đăng ký xe ô tô Daewoo Lacetti, BKS:30E – 94987 và các giấy tờ có liên quan đến chiếc xe.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 282/KLĐGTS ngày 25/6/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm xác định: Chiếc xe ô tô Daewoo Lacetti Premiere CDX, sản xuất năm 2009, BKS: 30E – 94987, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2009, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 220.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSNTL ngày 31/12/2021 của VKSND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 BLHS;

Kết thúc phần tranh tụng; Tại phần tranh luận, đại diện VKS đọc bản luận tội; Nội dung bản luận tội đã phân tích nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo; Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 48 BLHS; Điều 585 BLDS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 07 năm tù; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả tiếp cho anh T 102.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng số 12 ngày 31/12/2021 của VKSND quận Nam Từ Liêm công bố tại phiên tòa. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố và lời luận tội của đại diện VKS đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện VKS. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại – Anh Tiêu Thanh L trình bày: Anh đã nhận lại chiếc xe do bị cáo chiếm đoạt, anh không yêu cầu gì về dân sự. Về hình phạt anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan:

1. Chị T – Vợ bị cáo trình bày: Sau khi phạm tội, bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho người liên quan (anh T, người mua chiếc xe) nhằm phần nào khắc phục hậu quả do hành vi của bị cáo đã gây ra. Chị không có ý kiến gì đối với bị cáo về số tiền đã trả cho anh T.

2. Anh Vũ Văn T trình bày: Khi mua chiếc xe anh không biết chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có. Sau khi mua xe, anh đi đăng ký thì biết xe đó thuộc tang vật của vụ án nên anh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để xử lý theo pháp luật. Vợ bị cáo đã cho anh số tiền 100.000.000đ, số tiền còn lại là 102.000.000đ anh yêu cầu bị cáo phải trả tiếp cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, HĐXX nhận định: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ và lời khai trước đây của bị cáo có tại hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2021 đến ngày 23/5/2021, tại khu đô thị Trung Văn, phường Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội và tại số 86 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Bùi Văn Đ được anh Tiêu Thanh L giao cho chiếc xe ô tô Daewoo Lacetti, BKS: 30E-94987 trị giá 220.000.000đ để Đ sử dụng đưa đón anh Liêm hàng ngày. Sau khi nhận được tài sản, Đ đã đem xe ô tô đi cầm cố cho Nguyễn Aláy 150.000.000đ. Khi bị anh Liêm phát hiện, đòi bị cáo thì bị cáo đã bỏ trốn. Sau đó bị cáo lại bán chiếc xe cho Vũ Văn T với giá 202.000.000đ. Số tiền bán xe bị cáo dùng một phần trả tiền cầm cố xe cho anh Tuấn Anh, phần còn lại bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Xét cáo trạng truy tố và lời trình bày luận tội của đại diện VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng nơi xảy ra tội phạm.

Về nhân thân của bị cáo: Tính đến ngày phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, nhưng phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, quá trình điều tra bị cáo đã tác động nhờ gia đình bồi thường thay một phần số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. HĐXX áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ phân tích và nhận định trên, xét cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã gây ra. Cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T – Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền 102.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí trả cho anh T số tiền mà anh T yêu cầu. Xét yêu cầu của anh T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Trong vụ án này có các đối tượng có liên quan:

1. Nguyễn Tuấn A, quá trình điều tra xác định khi A nhận cầm cố tài sản, A không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có. Đối với hành vi nhận cầm cố xe ô tô để cho vay tiền của A với lãi suất cho vay các lần tương ứng từ 608.3%/1 năm; 973.3%/1 năm và 1.460%/1 năm (gấp hơn 05 lần mức lãi suất cho vay cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) và đã thu lãi được số tiền là 17.000.000đ nhưng do số tiền A thu lợi dưới 30.000.000đ nên chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự. Ngày 25/11/2021, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với A về hành vi “Nhận cầm cố loại giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó” và hành vi “Cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay” theo quy định tại điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ với tổng mức tiền phạt chung là 7.000.000đ.

2. Đối với anh Vũ Văn T, do khi mua bán xe, anh T không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý xong nên HĐXX không xem xét

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố Bùi Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 38, 47, 48 BLHS; Điều 106, 136, 329 BLTTHS; Điều 584, 585, 589 BLDS; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Đ 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2021.

Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả tiếp cho anh T số tiền 102.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, các bên không thoả thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Về vật chứng: Không xem xét

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST và 5.100.000đ tiền án phí DSST.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án tổng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND cùng cấp
- Thi hành án, Công an quận
- Bị cáo, người bị hại
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Vinh